KHO BẠC NHÀ NƯỚC
**BAN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Số: 44/CTTT-CNTT

Vv cung cấp báo giá "Mua sắm phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các dịch vụ liên quan"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2025*

Kính gửi: Các doanh nghiệp công nghệ thông tin

Hiện nay KBNN đang thực hiện nhiệm vụ "*Mua sắm phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các dịch vụ liên quan*", Ban Công nghệ thông tin và chuyển đổi số – Kho bạc Nhà nước đề nghị Quý Doanh nghiệp nếu quan tâm đến nội dung này, vui lòng cung cấp báo giá theo mẫu tại Phụ lục I đính kèm gửi về Ban Công nghệ thông tin và chuyển đổi số – Kho bạc Nhà nước trước ngày 25/05/2025.

Địa chỉ nhận báo giá: Ban Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, trụ sở Kho bạc Nhà nước, số 32 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội.

Mọi thông tin chi tiết liên hệ theo số điện thoại: 0243 6276 4300.

Trân trọng cảm ơn đơn vị./.

*Tài liệu đính kèm:*

*- Phụ lục 01: Mẫu Bảng báo giá;*

*- Phụ lục 02: Yêu cầu kỹ thuật Mua sắm phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các dịch vụ liên quan*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu: VT (8b)

**KT. TRƯỞNG BAN**
**PHÓ TRƯỞNG BAN**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
BAN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

**Nguyễn Thị Hồng Thủy**

**Phụ lục 01**
**MẪU BẢNG BÁO GIÁ**
*(Kèm theo Công văn số /CNTT-QLUD ngày tháng năm 2025 của Kho bạc Nhà nước)*

**TÊN CÔNG TY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

# BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Ban Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số - Kho bạc Nhà nước

Ngày……., chúng tôi [Ghi tên công ty] nhận được công văn số……../…….. ngày……..……của quý đơn vị về việc, chúng tôi xin báo giá các hạng mục công việc như sau:

| STT | Hạng mục | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá VNĐ | Thành tiền VNĐ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp gồm phân hệ hạch toán kế toán, in chứng từ, sổ, báo cáo; phân hệ báo cáo tài chính; phân hệ báo cáo quyết toán; phân hệ dự toán (lập và phân bổ); phân hệ tính lương. | Phần mềm | 01 | | |
| 2 | Dịch vụ triển khai tại KBNN cho 23 đơn vị hoạt động | Dịch vụ | 01 | | |
| 3 | Dịch vụ đào tạo cho 23 đơn vị hoạt động. | Dịch vụ | 01 | | |
| 4 | Dịch vụ chuyển đổi số liệu từ phần mềm KTNB của KBNN sang phần mềm KTHCSN | Dịch vụ | 01 | | |
| 5 | Dịch vụ bảo hành, cập nhật ứng dụng, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật | Dịch vụ | 01 | | |
| **TỔNG CỘNG** | | | | | |

Bằng chữ: ……

Giá trên đã bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện nội dung công việc theo yêu cầu và dịch vụ của quý đơn vị tại công văn số …./…. ngày / /2025 về việc cung cấp báo giá Mua sắm phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các

dịch vụ liên quan. Báo giá này có hiệu lực .....ngày/tháng, kể từ ngày phát hành báo giá.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**
**(Ký tên, đóng dấu)**

**Phụ lục 02**

# YÊU CẦU KỸ THUẬT MUA SẮM PHẦN MỀM KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

*(Kèm theo Công văn số /CNTT-QLUD ngày tháng năm 2025 của Kho bạc Nhà nước)*

## I. Thông tin chung

**1. Tên nhiệm vụ:** Mua sắm phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các dịch vụ liên quan

**2. Địa điểm:** Kho bạc Nhà nước

**3. Chủ đầu tư:** Ban Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số – Kho bạc Nhà nước

**4. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:**

***Cơ sở pháp lý về nghiệp vụ:***

- Quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26/2/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN

- Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp

- Công văn số 7228/KBNN-TVQT ngày 12/12/2024 của KBNN quy định chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp áp dụng trong hệ thống KBNN

- Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

- Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết về tài chính công đoàn;

- Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

- Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

- Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

- Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 1/11/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập Báo cáo Tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên;

- Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để

mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

- Thông tư 123/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

- Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 09 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc;

***Cơ sở pháp lý về quản lý công nghệ thông tin***

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

**Sự cần thiết:**

Ngày 17/4/2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 24/2024/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (gọi tắt là Thông tư 24/2024/TT-BTC) thay thế Thông tư 107/2017/TT-BTC và áp dụng từ 1/1/2025. Thông tư 24/2024/TT-BTC thay đổi cơ bản về số lượng, tính chất nghiệp vụ của tài khoản so với Thông tư 107/2017/TT-BTC như bỏ 109 tài khoản, thêm 85 tài khoản, gộp 02 tài khoản; thay đổi 42 tài khoản (thay đổi tên/đổi số hiệu/ thay đổi nội dung hạch toán),... Để đảm bảo sự hoạt động ổn định và đáp ứng được công tác chuyên môn của hệ thống KBNN, KBNN cần phải mua sắm phần mềm thương mại đáp ứng các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên.

**5. Mục tiêu đầu tư:**

Mua sắm và triển khai phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các dịch vụ liên quan đáp ứng Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính; các văn bản quy phạm pháp luật về lập, phân bổ dự toán, lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước; báo cáo quyết toán và chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức,...

**6. Phạm vi triển khai:** Trong hệ thống KBNN.

**7. Quy mô đầu tư:**

Mua sắm và triển khai phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp (KTHCSN) và các dịch vụ liên quan gồm:

- Mua sắm Phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp gồm phân hệ hạch toán kế toán, in chứng từ, sổ, báo cáo; phân hệ báo cáo tài chính; phân hệ báo cáo quyết toán; phân hệ dự toán (lập và phân bổ); phân hệ tính lương.

- Dịch vụ đào tạo cho 23 đơn vị (20 KBNN khu vực; Ban CNTT, Ban TVQT, Văn phòng).

- Dịch vụ triển khai: cài đặt phần mềm, cơ sở dữ liệu tại KBNN Trung ương; hỗ trợ triển khai cho 23 đơn vị (KBNN khu vực; Ban CNTT, Ban TVQT, Văn phòng).

- Dịch vụ chuyển đổi dữ liệu kế toán của năm 2025 và hồ sơ cán bộ (khoảng 11.000 hồ sơ) từ phần mềm KTNB của KBNN sang phần mềm KTHCSN.

- Dịch vụ bảo hành, cập nhật ứng dụng, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật: 5 năm, bắt đầu từ thời điểm nghiệm thu kết quả triển khai.

## II. Phạm vi công việc

### 1. Yêu cầu chung

Mua sắm và triển khai phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp (KTHCSN) và các dịch vụ liên quan gồm:

- Mua sắm phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp gồm phân hệ (khối chức năng) hạch toán kế toán; phân hệ báo cáo tài chính; phân hệ báo cáo quyết toán; phân hệ dự toán (lập và phân bổ dự toán); phân hệ tính lương.

- Dịch vụ đào tạo cho 23 đơn vị (KBNN khu vực; Ban CNTT, Ban TVQT, Văn phòng).

- Dịch vụ triển khai: cài đặt phần mềm, cơ sở dữ liệu tại KBNN Trung ương; hỗ trợ triển khai cho 23 đơn vị (KBNN khu vực; Ban CNTT, Ban TVQT, Văn phòng).

- Dịch vụ chuyển đổi dữ liệu kế toán của năm 2025 và hồ sơ cán bộ (khoảng 11000 hồ sơ) từ phần mềm KTNB của KBNN sang phần mềm KTHCSN.

- Dịch vụ bảo hành, cập nhật ứng dụng, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật: 5 năm, bắt đầu từ thời điểm nghiệm thu kết quả triển khai.

## 2. Yêu cầu kỹ thuật

### 2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các dịch vụ liên quan đáp ứng Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính; các văn bản quy phạm pháp luật về lập/phân bổ dự toán, lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước; báo cáo quyết toán và chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức..

- Cài đặt phần mềm, cơ sở dữ liệu đảm bảo không vi phạm bản quyền của bên thứ 3.

- Cung cấp cho KBNN:

+ Văn bản xác nhận của bên có thẩm quyền về an toàn thông tin đối với phần mềm.

+ Tài liệu minh chứng mô tả chức năng, tính năng kỹ thuật, công nghệ trên cổng/trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Yêu cầu có 1 bên thứ 3 được cấp phép rà quét bảo mật và nhà thầu thực hiện vá các lỗi, lỗ hổng bảo mật trước khi đưa vào hoạt động.

### 2.2. Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết

Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan do nhà thầu chào phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây (*Trong E-HSDT, nhà thầu lập bảng so sánh, cung cấp kèm theo tài liệu: có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan để chứng minh*):

**2.2.1 Yêu cầu chi tiết phần mềm thương mại Kế toán hành chính sự nghiệp:**

| STT | CHỨC NĂNG/BÁO CÁO |
|---|---|
| **A** | **Khối chức năng hạch toán kế toán** |
| 1 | Chức năng khai báo 'Kho bạc, ngân hàng' |
| 2 | Chức năng 'Danh mục Kho bạc' |
| 3 | Chức năng 'Danh mục tài khoản kế toán' |
| 4 | Chức năng 'Khai báo công thức kết chuyển' |
| 5 | Chức năng 'Danh mục Nguồn kinh phí toàn ngành' |
| 6 | Chức năng 'Danh mục Loại kinh phí toàn ngành' |
| 7 | Chức năng 'Danh mục Loại khoản toàn ngành' |

| | |
|---|---|
| 8 | Chức năng 'Danh mục Mã nguồn ngân sách nhà nước toàn ngành' |
| 9 | Chức năng 'Danh mục Loại nghiệp vụ toàn ngành' |
| 10 | Chức năng 'Danh mục mã chương' |
| 11 | Chức năng 'Danh mục Tiểu mục |
| 12 | Chức năng danh mục Vụ/Phòng ban |
| 13 | Chức năng danh mục Đối tượng cá nhân, nhà cung cấp |
| 14 | Chức năng danh mục Hợp đồng - Dự án - Công trình |
| 15 | Chức năng 'Danh mục Nội dung thu đơn vị' |
| 16 | Chức năng 'Danh mục Nội dung giao dự toán đơn vị' |
| 17 | Chức năng danh mục chức danh in chứng từ (Chức danh in phiếu) |
| 18 | Chức năng danh mục Nội dung chi |
| 19 | Chức năng Danh mục Dự án |
| 20 | Chức năng 'Danh mục TSCĐ đơn vị' |
| 21 | Chức năng 'Kiểm soát kỳ đơn vị cấp dưới' |
| 22 | Chức năng 'Giải trình thuyết minh báo cáo tài chính' |
| 23 | Chức năng 'Giải trình thuyết minh báo cáo quyết toán' |
| 24 | Chức năng 'Khai báo số liệu "Báo cáo về việc cung cấp thông tin tài chính"' |
| 25 | Chức năng 'Khai báo số liệu "Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính,…"' |
| 26 | Chức năng Khai báo số liệu Báo cáo về việc cung cấp thông tin tài chính năm (C03) |
| 27 | Chức năng Nhập bút toán, lô bút toán |
| 29 | Chức năng Tìm kiếm thông tin lô bút toán, bút toán |
| 30 | Chức năng In chứng từ |
| 31 | Chức năng Sao chép lô bút toán, bút toán |
| 32 | Chức năng Kiểm soát lô bút toán |
| 33 | Chức năng Tạo lô bút toán đỏ, bút toán đỏ |
| 34 | Chức năng Tạo bút toán tự động |
| 35 | Chức năng Tạo bảng kê thanh toán/tạm ứng |

| | |
|---|---|
| 36 | Chức năng Cam kết chi |
| 37 | Chức năng Điều chỉnh cam kết chi |
| 38 | Chức năng Thanh toán tạm ứng, ứng trước dự toán |
| 39 | Chức năng Kết chuyển tự động |
| 40 | Chức năng Quyết toán tự động |
| 41 | Chức năng khai báo công thức cho báo cáo quyết toán |
| 42 | Chức năng thiết lập , sửa mẫu báo cáo |
| 43 | Chức năng khai thuế GTGT |
| 44 | Chức năng In báo cáo |
| 45 | Bảng tổng hợp số liệu bổ sung thông tin tài chính_S01_BTC/TT99 |
| 46 | Bảng tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo tài chính_S02_BTH/TT99 |
| 47 | Chức năng khai báo người dùng DVC, chữ ký số |
| 48 | Chức năng khai báo các mẫu chứng từ DVC |
| 49 | Chức năng chuyển chứng từ sang cổng DVC |
| 50 | Chức năng đối chiếu chứng từ DVC |
| **B** | **Khối chức năng dự toán** |
| 51 | Chức năng Khai báo năm dự toán toàn ngành Tài chính |
| 52 | Chức năng Đóng/Mở năm dự toán |
| 53 | Chức năng Kiểm soát/hủy kiểm soát năm nhận dữ liệu |
| 54 | Chức năng Khai báo mẫu lập/phân bổ dự toán |
| 55 | Chức năng Phân bổ, điều chỉnh dự toán |
| 56 | Chức năng Xem dự toán phân bổ |
| 57 | Chức năng Nhận dự toán được phân bổ |
| C | **KHỐI CHỨC NĂNG, BÁO CÁO QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG** |
| | **Quản lý danh mục toàn ngành** |
| 58 | Chức năng quản lý 'Ngạch bậc lương' |
| 59 | Chức năng quản lý hệ số Phụ cấp |
| 60 | Chức năng 'Công thức tính lương' |
| 61 | Chức năng 'Tham số tính lương' |

| | |
|---|---|
| 62 | Chức năng 'Danh mục thuế TNCN' |
| 63 | Chức năng 'Danh mục các loại tiền thưởng' |
| | **Quản lý danh mục đơn vị** |
| 64 | Chức năng 'Quản lý hồ sơ CBCC' |
| 65 | Chức năng 'Khai báo hồ sơ CBCC' |
| 66 | Chức năng 'Danh mục ngân hàng' |
| 67 | Chức năng 'Tính thu nhập (các bảng lương)' |
| 68 | Chức năng 'Phê duyệt bảng lương,thu nhập' |
| 69 | Chức năng 'Tổng hợp lương,thu nhập chuyển ngân hàng' |
| | **Khối chức năng quản lý hệ thống** |
| 70 | Quản lý người dùng theo vai trò và quyền hạn; sử dụng dụng được nhiều máy và phân quyền theo từng máy, từng người dùng |
| 71 | Ghi nhật ký (log) thao tác của người dùng hoặc nhóm người dùng để theo dõi nguyên nhân, thời gian gây ra việc thay đổi dữ liệu |
| 72 | Quản lý danh mục dùng riêng của đơn vị: tài khoản ngân hàng, tài khoản kho bạc, danh mục đối tượng, danh mục hợp đồng, … |
| 73 | Quản lý đăng ký, /phê duyệt chữ ký số |
| **D** | **Báo cáo, Sổ, chứng từ** |
| | **Báo cáo quyết toán** |
| 1 | B01/BCTQ – Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động |
| 2 | B03/BCQT – Thuyết minh báo cáo quyết toán |
| 3 | F01-01/BCQT: Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn khấu trừ để lại |
| **E** | F01-02/BCQT: Báo cáo chi tiết chương trình dự án |
| | **Báo cáo tài chính** |
| 4 | B01/BCTC: Báo cáo tình hình tài chính |
| 5 | B02/BCTC: Báo cáo kết quả hoạt động |
| 6 | B03a/BCTC: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (trực tiếp) |
| 7 | B03b/BCTC: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (gián tiếp) |
| 8 | B04/BCTC: Thuyết minh báo cáo tài chính |

| | |
|---|---|
| 9 | B05/BCTC: Báo cáo tài chính mẫu đơn giản |
| 10 | B01/BSTT: Báo cáo bổ sung thông tin tài chính |
| 11 | C03-CCTT: Báo cáo cung cấp thông tin tài chính |
| | **Chứng từ bắt buộc** |
| 12 | Phiếu thu |
| 13 | Phiếu chi |
| 14 | Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng |
| 15 | Biên lai thu tiền |
| 16 | Phiếu nhập kho |
| 17 | Phiếu xuất kho |
| 18 | Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá |
| 19 | Phiếu giao nhận nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ |
| 20 | Chỉ tiêu tiền tệ |
| 21 | Giấy đề nghị tạm ứng |
| 22 | Giấy đề nghị thanh toán |
| 23 | Bảng kê chi tiền cho người tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn |
| 24 | Chỉ tiêu khác |
| 25 | Chứng từ điều chỉnh |
| 26 | Giấy rút dự toán Ngân sách |
| 27 | Giấy rút dự toán Ngân sách (khấu trừ thuế) |
| 28 | Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, ứng trước |
| 29 | Giấy đề nghị thu hồi ứng trước |
| 30 | Giấy nộp trả kinh phí |
| 31 | Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách |
| 32 | Phiếu nhập dự toán ngân sách |
| 33 | Phiếu nhập và phân bổ dự toán |
| 34 | Phiếu điều chỉnh dự toán |
| 35 | Giấy đề nghị cam kết chi ngân sách nhà nước |

| | |
|---|---|
| 36 | Giấy điều chỉnh cam kết chi ngân sách nhà nước |
| 37 | Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước |
| 38 | Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước |
| 39 | Ủy nhiệm chi (Trường hợp ủy nhiệm chi không kèm nộp thuế) |
| 40 | Ủy nhiệm chi (Trường hợp ủy nhiệm chi kèm nộp thuế) |
| 41 | Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành |
| 42 | Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện |
| 43 | Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng |
| 44 | Giấy đề nghị thanh toán vốn |
| 45 | Giấy đề nghị thu hồi vốn |
| 46 | Giấy rút vốn |
| 47 | Báo cáo tổng hợp tình hình tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng |
| 48 | Bảng phân bổ chi phí QLDA đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí quản lý dự án |
| 49 | Bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản trích nộp theo lương |
| 50 | Bảng thanh toán phụ cấp |
| 51 | Bảng thanh toán thu nhập tăng thêm |
| 52 | Bảng thanh toán tiền thưởng |
| 53 | Bảng thanh toán tiền phép hàng năm |
| 54 | Bảng chấm công làm thêm giờ |
| 55 | Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ |
| 56 | Bảng thanh toán tiền thuê ngoài |
| 57 | Bảng phân bổ tiền lương và BHXH |
| 58 | Bảng kê thanh toán công tác phí |
| 59 | Bảng kê trích nộp các khoản theo lương |
| 60 | Bảng kê đề nghị thanh toán |
| | **Tổng hợp báo cáo** |
| | **Báo cáo quyết toán** |

| | |
|---|---|
| 61 | B01/BCTQ – Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động |
| 62 | B03/BCQT – Thuyết minh báo cáo quyết toán |
| 63 | F01-01/BCQT: Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn khấu trừ để lại |
| 64 | F01-02/BCQT: Báo cáo chi tiết chương trình dự án |
| | **Báo cáo tài chính** |
| 65 | B01/BCTC: Báo cáo tình hình tài chính |
| 66 | B02/BCTC: Báo cáo kết quả hoạt động |
| 67 | B03a/BCTC: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (trực tiếp) |
| 68 | B03b/BCTC: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (gián tiếp) |
| 69 | B04/BCTC: Thuyết minh báo cáo tài chính |
| 70 | B05/BCTC: Báo cáo tài chính mẫu đơn giản |
| 71 | B01/BSTT: Báo cáo bổ sung thông tin tài chính |
| 72 | C03-CCTT: Báo cáo cung cấp thông tin tài chính |

**2.2.2 Dịch vụ đào tạo:**

Đào tạo tập huấn cho 23 đơn vị (KBNN khu vực; Ban CNTT, Ban TVQT, Văn phòng).

+ Đào tạo tập huấn sử dụng chương trình cho 23 đơn vị x 3 người (2 kế toán viên+ 1 KTT/ủy quyền KTT) /1 đơn vị

+ Đào tạo quản trị ứng dụng: 10 người tại KB Trung ương.

+ Yêu cầu có môi trường thực hành; tài liệu hướng dẫn sử dụng.

**2.2.3 Dịch vụ Triển khai tập trung tại KBNN TW:**

+ Cài đặt phần mềm trên hạ tầng của KBNN theo đúng quy định và đảm bảo vận hành thông suốt, tương thích với hệ thống hiện có của KBNN.

+ Máy chủ CSDL, máy chủ ứng dụng: sử dụng máy chủ của KBNN hiện có, với cấu hình tối thiểu như sau:

| TT | Máy chủ | Số lượng | RAM (GB) | CPU (core) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Máy chủ ứng dụng | 01 | 65 | 08 |
| 2 | Máy chủ Database | 01 | 65 | 08 |

+ Máy trạm: máy trạm cài hệ điều hành Windows 10 trở lên; trình duyệt

Microsotf Edge hoặc Chrome hoặc Firefox phiên bản mới nhất tại thời điểm triển khai.

+ Hệ thống mạng: sử dụng mạng LAN, mạng WAN của KBNN.

+ Cài đặt ứng dụng, cơ sở dữ liệu KTHCSN tại KBNN: Việc cài đặt phần mềm/cơ sở dữ liệu KTHCSN phải đảm bảo không vi phạm bản quyền của bên thứ 3.

+ Cấu hình ứng dụng, thiết lập tham số nghiệp vụ, quy trình phù hợp với KBNN..

+ Có thể sử dụng môi trường này trước khi triển khai diện rộng làm môi trường đào tạo.

+ Vận hành thử (triển khai thí điểm): có triển khai thí điểm tại ít nhất 02 KBNN khu vực trước khi triển khai chính thức.

+ Yêu cầu có 1 bên thứ 3 được cấp phép rà quét bảo mật và nhà thầu thực hiện vá các lỗi, lỗ hổng bảo mật trước khi đưa vào hoạt động;

+ Yêu cầu hỗ trợ KBNN xây dựng hồ sơ an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin theo Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

+ Yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin đối với phần mềm nội bộ theo quy định tại khoản 8, Điều 9 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

+ Bàn giao cho KBNN:

++ Tài liệu hướng dẫn sử dụng;

++ Tài liệu cài đặt và cấu hình hệ thống;

++ Tài liệu quản trị, vận hành hệ thống;

++ Tài liệu hướng dẫn xử lý một số lỗi thường gặp.

**2.2.4 Dịch vụ chuyển đổi số liệu từ phần mềm KTNB của KBNN sang phần mềm KTHCSN.**

+ Chuyển đổi dữ liệu: chuyển thông tin danh sách/hồ sơ cán bộ gồm các thông tin họ tên, hệ số lương, các khoản phụ cấp, giảm trừ gia cảnh,...của 11.000 người.

+ Chuyển số dư từ hệ thống KTNB của KBNN sang KTHCSN của 23 khu

vực đảm bảo số dư cân khớp.

+ Báo cáo kết quả chuyển đổi số liệu.

**2.2.5 Dịch vụ bảo hành, cập nhật ứng dụng, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật: 5 năm kể từ khi nghiệm thu bàn giao sản phẩm.**

**a) Bảo hành, cập nhật ứng dụng**

Trong vòng 5 năm:

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành, sửa chữa tất cả các lỗi phát sinh đối với phần mềm.

- Khi có thay đổi về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hoặc các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn về lập, phân bổ dự toán, lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước, báo cáo quyết toán và chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức hoặc khi KBNN rà soát an toàn bảo mật của ứng dụng, cơ sở dữ liệu, nếu phát hiện ứng dụng KTHCSN có lỗ hổng an toàn bảo mật, nhà thầu phải thực hiện cập nhật/vá lỗi an toàn bảo mật ứng dụng, cơ sở dữ liệu. Nếu việc nâng cấp/cập nhật đó làm thay đổi nội dung của các tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản trị vận hành đã có thì nhà thầu phải cập nhật nội dung thay đổi và bàn giao cho KBNN.

- Yêu cầu lập báo cáo tổng hợp các đề xuất thay đổi quy trình, chức năng (nếu có).

**b) Bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật.**

Trong vòng 5 năm:

- Yêu cầu về hỗ trợ kỹ thuật: Nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật 24x7 (24 giờ/ngày x 7 ngày/tuần, tất cả các ngày trong năm, kể cả ngày lễ tết) qua điện thoại, thư điện tử;

- Yêu cầu về bảo trì: Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện bảo trì phần mềm và cơ sở dữ liệu với chu kỳ 3 tháng /1 lần.

**3. Yêu cầu khác**

- Cung cấp một đầu mối liên lạc duy nhất để tiếp nhận thông báo sự cố và yêu cầu dịch vụ trong quá trình triển khai công việc kèm theo thông tin địa chỉ, điện thoại, email.

- Yêu cầu về an toàn thông tin: Ký cam kết bảo mật thông tin trước khi thực hiện triển khai dịch vụ và phải tuân thủ các quy định về an toàn thông tin của KBNN và các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong quá trình triển khai. Trường hợp bên mời thầu phát hiện được những vấn đề nêu trên, bên mời thầu có quyền từ chối dịch vụ và nhà thầu phải chịu mọi rủi ro, chi phí liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật.

BAN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
**TỔ QUẢN LÝ ỨNG DỤNG VÀ CĐS**

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm*

# TỜ TRÌNH
## Về việc phê duyệt công văn xin báo giá nhiệm vụ "Mua sắm phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các dịch vụ liên quan"

Để có cơ sở xây dựng dự kiến tổng mức kinh phí phục vụ lập dự toán nhiệm vụ *"Mua sắm phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp và các dịch vụ liên quan"*, Tổ Quản lý ứng dụng và Chuyển đổi số trình Lãnh đạo Ban Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số phê duyệt danh sách các đơn vị để gửi công văn xin báo giá gồm các nội dung như sau:

1. Nguyên tắc lựa chọn đơn vị gửi công văn xin báo giá:

+ Là công ty có phần mềm thương mại Kế toán hành chính sự nghiệp tại Việt Nam.

+ Là đơn vị có đã có kinh nghiệm triển khai phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp và có kết nối với hệ thống Dịch vụ công KBNN.

2. Danh sách công ty gửi công văn lấy báo giá

Căn cứ vào các nguyên tắc trên, phòng Phát triển ứng dụng đề xuất gửi công văn xin báo giá tới các đơn vị sau:

- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT;

- Công ty Cổ phần Misa;

- Công ty Cổ phần công nghệ và dịch vụ An Trường Phát;

- Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST.

2. Thời hạn gửi báo giá của các công ty: 10 ngày kể từ ngày phát hành công văn.

3. Nội dung yêu cầu kỹ thuật của báo giá theo công văn báo giá chi tiết đính kèm.

Tổ Quản lý ứng dụng và chuyển đổi số trình Lãnh đạo Ban CNTT phê duyệt công văn xin báo giá gửi 04 công ty trên và đồng thời gửi trên cổng thông tin điện tử của KBNN.

Kính trình Lãnh đạo Cục CNTT xem xét và phê duyệt./.

***Nơi nhận:***
- Lưu: QLƯD, tiendm.

**TỔ QUẢN LÝ ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

**Phạm Bích Vân**